

Name:

Class: S8

Ngày GV giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ, ngày/.....

Vocabulary & Grammar:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 8

UNIT 9 – MUSIC – VOCABULARY 2 & SPEAKING

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

- Verbs

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	clutch (v)	nắm chặt, giữ chặt	6	anticipate (v)	dự đoán, mong đợi
2	wrack (v)	làm hư hại nặng nề, tàn phá	7	dissuade (v)	khuyên ngăn, can ngăn ai làm gì
3	insist (v)	khăng khăng, nài nỉ	8	accomplish (v)	hoàn thành, đạt được (mục tiêu, nhiệm vụ)
4	interpret (v)	giải thích, hiểu theo một cách nào đó; phiên dịch	9	compete against (phr.v)	cạnh tranh với ai
5	transcend (v)	vượt qua, vượt lên giới hạn			

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	eager (adj)	háo hức, mong muôn mạnh mẽ	4	handkerchief (n)	khăn tay, khăn mùi soa
2	abbreviation (n)	chữ viết tắt	5	tenderness (n)	sự dịu dàng, sự ân cần
3	discipline (n)	kỷ luật	6	folk music (n phr.)	nhạc dân gian, nhạc truyền thống

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	approve (v)	tán thành, chấp nhận	5	commitment (adj)	sự cam kết
2	propose (v)	đề xuất	6	discouraged (adj)	chán nản, mất động lực
3	tackle (v)	giải quyết, xử lý	7	abstract (adj)	trừu tượng
4	contribute (v)	đóng góp			

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; v = verb: động từ;*
n phr. = noun phrase: cụm danh từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK**VOCABULARY & GRAMMAR****I. Write the correct words/phrases based on the definitions and the clues given.**

0. <u>clutch</u>	<i>to hold something tightly, especially because you are afraid or in pain</i>
1. a _____	to successfully complete or achieve a goal or task
2. i _____	to explain the meaning of something; to translate spoken words into another language
3. h _____	a small piece of cloth used for wiping the face or nose
4. i _____	to demand something firmly or state something strongly, especially when others disagree.
5. c _____ a _____	to try to win or be better than someone in a contest or competition

II. Fill in the blanks with the correct words/phrases from the box. Some words may not be used.

transcend **eluteh** **dissuade** **folk music** **wrack** **anticipate** **tenderness** **eager**

During his long journey, Peter had to (0) **clutch** his backpack tightly as he navigated through the crowded streets. He had always been someone who liked to plan ahead and (1) _____ any possible challenges that might arise.

Despite his careful nature, his friend tried to (2) _____ him from taking the risky trip, warning him about the potential dangers. However, Peter was too (3) _____ to explore new places and refused to change his mind.

As he traveled through different regions, he became fascinated by the (4) _____ performed by local musicians. Each song seemed to (5) _____ cultural barriers, bringing people from different backgrounds together.

III. Write sentences using the words given with the correct verb tenses.

0. *They / always / visit / their grandparents / on Sundays.*

→ **They always visit their grandparents on Sundays.**

1. *My brother / practice / the piano / for two hours.*

→ _____

2. *While / we / have / dinner, / the phone / ring.*

→ _____

3. *She / not / see / her best friend / since / last summer.*

→ _____

4. *By the time / we / arrive / at the station, / the train / already / leave.*

→ _____

5. *Tom / plan / to move abroad / next year.*

→ _____

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-pet-test-7-part-3>

PART 3 Questions 14-19

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one or two words or a number or a date or a time**.

You will hear a student giving a review of his visit to Chiswick House and Gardens to his class.

Chiswick House and Gardens Review

Chiswick Park is in: (14) _____

Chiswick House contains: _____ paintings and (15) _____

Individual ticket for House tour costs: (16) £ _____

Things to buy in flower shop: (17) _____ and souvenirs

Group ticket cost for garden tour: (18) £ _____

Starting date of Music Week: (19) _____

Con làm bài nghe theo link sau:
<https://soundcloud.com/ms-chi-english/first-for-schools-trainer-2-test-5-part-2>

FCE Listening Part 2

Instructions: You will hear a boy called Harry telling his class about an art event he took part in recently. For questions 9–18, complete the sentences with a word or short phrase.

Art Day

Fiona, the person organizing the art event, had previously worked as a (9) _____.

Harry describes his feelings when he first arrived using the word (10) _____.

Harry found the different types of (11) _____ paper in the drawing book very inspiring.

On the cover of his drawing book, Harry decided to put a (12) _____ instead of a picture of himself.

Harry's first painting was a (13) _____, as he thought it would be easier to do.

Harry was particularly fascinated by the (14) _____ that another student had created.

With Fiona's guidance, Harry tried a more (15) _____ style of painting, which was different from his original approach.

In the afternoon, the group agreed on the theme of (16) _____ for their sculpture project.

Harry collected several (17) _____ to add as decorations for the sculpture.

The (18) _____ of the other members of the art group was what inspired Harry to sign up for the next session.